

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 9 – 2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 286, tổ 8, ấp Hậu Quới, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở hiện nay: Số 115/35/30A, đường Tôn Đức Thắng, tổ 22, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 115/35/30A, đường Tôn Đức Thắng, tổ 22, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H và chị Lê Thị T tự tìm hiểu, quen biết nhau trước và sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến chung sống như vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Kể từ khi anh H và chị T chung sống nhau cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống thường bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi thường xuyên.

Nay, anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung được và anh H yêu cầu ly hôn với chị T.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, anh H và chị T có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 18/11/2013. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai đề ngày 19/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị T trình bày*: Thống nhất với lời trình bày trên của anh H về quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay anh H xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 18/11/2013 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu H cho anh H được nuôi dưỡng cháu H cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H và chị T chung sống như vợ chồng, do anh H và chị T không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Ngô Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị T vắng mặt.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên*:

+ *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ *Việc tuân theo pháp luật của đương sự*: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

+ *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, anh H và chị T chung sống nhau như vợ chồng từ năm 2013, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị T, giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 18/11/2013 cho anh H được nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nếu sau này giữa anh H và chị T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu nguyên đơn, anh Ngô Văn H được chấp nhận, anh H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền: Anh Ngô Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị T, chị T có nơi cư trú tại số 115/35/30A, đường Tôn Đức Thắng, tổ 22, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt lần thứ hai. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị T.

*Về nội dung*:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 2017, anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Theo các đơn yêu cầu xác nhận việc đăng ký kết hôn của anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T ngày 06/8/2020, được biết Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xác nhận anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**Tại** khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.*

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”.*

Anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét, không công nhận anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh H và chị T có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 18/11/2013 hiện cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh H và chị T thỏa thuận thống nhất giao cháu H cho anh H được nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị T, giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 18/11/2013 cho anh H được nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nếu sau này giữa anh H và chị T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T.

2. *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2013. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T, giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 18/11/2013 cho anh Ngô Văn H được nuôi dưỡng con chung đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động được. Chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nếu sau này giữa anh Ngô Văn H và chị Lê Thị T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Anh Ngô Văn H chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001427 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Anh H đã nộp đủ án phí, chị T không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dãm**